

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 802/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 848/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị L, nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn Đ, nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Văn Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2002. Thời gian đầu, vợ chồng tình cảm bình thường. Từ năm 2023, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và chửi nhau, không còn tôn trọng nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, không thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng hôn ngọt ngạt, căng thẳng. Do mâu thuẫn nên chị đã

thuê nhà trọ và sống ly thân với anh Đ từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ. Chị và anh Đ có 03 con chung là Vũ Ngọc Đ, sinh năm 2002, Vũ Hương M, sinh ngày 07-11-2007 và Vũ Hương G, sinh ngày 13-9-2015. Cháu Đ đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị nhận nuôi cháu M và cháu G. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đ trình bày: Anh và chị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trường Sơn năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố Văn Trảng 2, thị trấn Trường Sơn. Trong quá trình chung sống, do anh có chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ, con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái và đã nhiều lần xin lỗi chị L nhưng chị L không tha thứ cho anh. Anh thấy vẫn còn tình cảm với chị L và để các con có một gia đình hoàn chỉnh, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ. Anh và chị L có 03 con chung là Vũ Ngọc Đ, sinh năm 2002, Vũ Hương M, sinh ngày 07-11-2007 và Vũ Hương G, sinh ngày 13-9-2015. Cháu Đ đã đủ 18 tuổi, đã đi làm nên không phải nuôi dưỡng. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn, cháu M và cháu G có nguyện vọng ở với mẹ thì anh nhất trí giao hai cháu cho chị L nuôi dưỡng vì hiện nay anh không có công việc và thu nhập. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị L và anh Đ thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hòa thuận, hạnh phúc. Từ tháng 3-2024 đến nay, chị L và anh Đ sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị L và anh Đ có 03 con chung như chị L và anh Đ trình bày. Cháu Đ đã thành niên và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng. Cháu M và cháu G đang chung sống với chị L và có nguyện vọng được ở cùng với chị L. Hiện nay, chị L có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ; về con chung, Cháu Đ đã 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết; giao cháu M và cháu G cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung; bị đơn là anh Vũ Văn Đ, cư trú tại Tổ dân phố V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Ngô Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trường Sơn năm 2002, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 23-5-2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống, chị L và anh Đ không hoà thuận, hạnh phúc và đã sống ly thân tháng 3 năm 2024 đến nay, mỗi người một nơi. Trong quá trình Tòa án đã tiến hành hòa giải, mặc dù anh Đ mong muốn chị L tha thứ nhưng chị L vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ. Xét thấy, chị L và anh Đ đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị L và anh Đ có 03 con chung là Vũ Ngọc Đ, sinh năm 2002, Vũ Hương M, sinh ngày 07-11-2007 và Vũ Hương G, sinh ngày 13 -9-2015. Cháu Đ đã thành niên, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu M và cháu G đang sinh sống ổn định cùng chị L và có nguyện vọng ở với chị L. Bản thân anh Đ cũng nhất trí để chị L nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L và ý kiến của anh Đ, giao cháu M và cháu G cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Vũ Hương M, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2007 và cháu Vũ Hương G, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2015 cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Ngô Thị L và anh Vũ Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007413 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Ngô Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị L và anh Vũ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND thị trấn Trường Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt